



Tổng quan lịch sử Phật giáo và Hồi giáo: Bản sắc tâm linh "con đường tơ lụa"

ISSN: 2734-9195

12:42 09/02/2026

Phương Đông và phương Tây không chỉ đơn thuần là những khái niệm địa lý hay bên ngoài. Mỗi cá nhân đều mang trong mình cả hai khía cạnh phương Đông và phương Tây, mỗi khía cạnh đại diện cho một phần quan trọng trong bản sắc của họ.

Hai **truyền thống tôn giáo**, Phật giáo và Hồi giáo, ra đời ở những thời đại khác nhau, tại những địa điểm địa lý khác nhau và giữa những người có nền văn hóa, hoàn cảnh và lịch sử đa dạng. Tuy nhiên, khi so sánh các đặc điểm văn hóa xã hội của nguồn gốc Phật giáo và Hồi giáo, chúng ta thấy những điểm tương đồng đáng kể giữa chúng.

Nhìn chung, việc nghiên cứu các hoàn cảnh cụ thể của các xã hội sản sinh ra các tôn giáo mới có thể giải thích được những nhu cầu xã hội dẫn đến sự xuất hiện của các hệ thống tâm linh. Khi hai xã hội có điều kiện tương tự và đối mặt với những vấn đề xã hội tương tự, người ta có thể dự đoán được sự tương đồng mạnh mẽ giữa các hệ thống tư tưởng mà họ phát triển để giải quyết những vấn đề này.

Xã hội Ấn Độ trước khi Phật giáo du nhập và văn hóa Ả Rập trước khi Hồi giáo du nhập có nhiều điểm tương đồng, trong đó ba điểm sau đây đặc biệt nổi bật.

- a. Đa thần giáo
- b. Thờ cúng thần tượng
- c. Sự phân biệt giai cấp xã hội

1. Đa thần giáo:

Tại Ấn Độ, truyền thống đa thần giáo lâu đời, có thể bắt nguồn từ thời kỳ Vệ Đà. Sau thời kỳ Vệ Đà (1500-500 trước Tây lịch), Bà La Môn giáo phát triển mạnh mẽ, và đa thần giáo tiếp tục tồn tại như một học thuyết tôn giáo ảnh hưởng lớn. Mặc dù triết học Bà La Môn và triết học Vệ Đà có những điểm khác biệt, chúng

ta vẫn có thể tìm thấy nhiều vị thần tiền Vệ Đà trong thời kỳ Bà La Môn sau thời kỳ Vệ Đà. Những vị thần này chủ yếu là hiện thân của các lực lượng tự nhiên, chẳng hạn như Indra (thần sấm sét), Surya (thần mặt trời) và Ursus (thần bình minh). Vishnu (vị thần duy trì), vốn là một vị thần Vệ Đà, đã sống một cuộc đời viên mãn trên thiên đường và giữ vị trí tối cao trong số hàng trăm vị thần Hindu.

Người dân phụng thờ các vị thần này vừa vì sợ sự giận dữ của các đấng thần minh, vừa vì mong chờ được nhận phúc cát tường của các đấng thần minh. Họ tôn kính các đấng thần minh vì sự giận dữ của các Ngài có thể gây ảnh hưởng đến cuộc sống của họ thông qua các thảm họa thiên nhiên như lũ lụt, hạn hán và dịch bệnh; họ thành kính ca ngợi các vị thần vì những vị thần này có thể ban cho họ sức khỏe, giàu có, phẩm giá và thịnh vượng.

Những người tín ngưỡng cầu nguyện với các vị thần, dâng hiến gia súc làm vật tế lễ và dâng lên các vị thần nhiều lễ vật khác nhau, dẫn đến sự đa dạng phong phú của các nghi lễ tế lễ.



Một phần của bức phù điêu từ Gandhara, thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên. Ảnh do Viện Smithsonian cung cấp, Phòng trưng bày nghệ thuật Freer, Washington, D.C. (ảnh: en.unesco.org)

Đức Phật không tán thành hệ thống này, Ngài hoàn toàn phủ nhận sự tồn tại của các vị thần, điều này đặt ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với ngai vàng của các vị thần. Ngài tuyên bố rằng các nghi lễ tôn giáo, tế lễ và các nghi thức khác đều vô nghĩa và hoàn toàn vô ích.

Mặc dù những tư tưởng mang tính cách mạng của đức Phật đã xúc phạm các giá trị tôn giáo thời bấy giờ, và các Bà La Môn đã xem chúng rất nghiêm túc, nhưng Ngài vẫn được coi là một vị cứu tinh bởi vì giáo lý của Ngài đã mang lại cho mọi người cơ hội cải thiện địa vị xã hội và tôn giáo của mình thông qua việc thành tâm theo đuổi chân lý và việc thiện, và những tư tưởng của Ngài được mọi tầng lớp xã hội đón nhận.

Hơn một nghìn năm sau khi đức Phật nhập Niết bàn, một tình huống tương tự đã xuất hiện trên bán đảo Ả Rập, cách xa nơi sinh của Ngài. Trước khi Hồi giáo trỗi dậy, người Ả Rập du mục thờ cúng nhiều vị thần khác nhau. Nguyên tắc chính của Hồi giáo, “Thượng đế duy nhất” (Tawhid), mâu thuẫn trực tiếp với tín ngưỡng đa thần của họ.

Thuật ngữ “Tawhid” bắt nguồn từ gốc từ “ahad” (nghĩa là “một” hoặc “duy nhất”), đề cập đến tính duy nhất của Thượng đế. Trong Kinh Qur'an, Thượng đế là đấng vô hạn vượt lên trên mọi tạo vật, trong khi các tạo vật khác nhất thiết phải có bản chất hữu hạn.

Thượng đế là duy nhất, và không một tạo vật nào có thể chia sẻ thần tính của Ngài, niềm tin rằng bất kỳ tạo vật nào có thể chia sẻ thần tính được gọi là "shirk" (thờ cúng thần linh khác ngoài Thượng đế), điều mà Kinh Qur'an lên án là tội lỗi ghê tởm và không thể tha thứ nhất.

Một số người giàu có không hài lòng với ý tưởng mới này, nhưng cũng giống như việc Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của các vị thần, nhiều người thấy khái niệm “sự duy nhất của Thượng đế” (Tawhid) thực tế và công bằng hơn, và do đó đã chấp nhận tôn giáo mới này.

b. Thờ cúng thần tượng

Điểm chung thứ hai giữa các xã hội trước khi Phật giáo và Hồi giáo du nhập là việc thờ cúng thần tượng. Như đã đề cập trước đó, đức Phật không tin vào thần thánh. Ngài không tán thành việc thờ cúng thần tượng. Đức Phật không nổi dậy chống lại các vị thần để thay thế họ. Ngài đã tuyên bố rõ ràng rằng mình không phải là thần thánh, mà là một người thầy và người dẫn đường đưa con người đến sự giải thoát, Niết bàn.

Các thần tượng đóng vai trò trung tâm trong đời sống tôn giáo và cấu trúc xã hội của các bộ lạc du mục Ả Rập. Nhiều vị thần được thờ phụng ở vùng Hejaz là các thần linh của bộ lạc. Mỗi bộ lạc có vị thần riêng của mình, thường được biểu tượng hóa bằng một baetyl (hòn đá thiêng). Cuộc sống của các quý tộc du mục gắn bó mật thiết và phụ thuộc vào những thần tượng này.

Ba vị thần bộ lạc đặc biệt phổ biến ở miền trung bán đảo Ả Rập. nữ thần này là Uzza (وزعة), Lat (لات) và Manat (مانات) (Kinh Qur'an 53: 19-22). Nữ thần Manat bị đánh cắp và đưa đến Ấn Độ. Ở đó, một ngôi đền được xây dựng phụng thờ nữ thần. Ngôi đền này sau đó được đặt tên là Sumanat.

Như đã đề cập trước đó, việc thờ cúng thần tượng ở Ả Rập không chỉ đơn thuần là một hoạt động tôn giáo. Thần tượng còn đóng vai trò quan trọng trong thương mại và đời sống kinh tế của họ.



Một phần của bức phù điêu từ Gandhara, thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên. Ảnh do Viện Smithsonian cung cấp, Phòng trưng bày nghệ thuật Freer, Washington, D.C. (ảnh: en.unesco.org)

Thánh địa Mecca tại Ả Rập Saudi nơi nhiều tín đồ Hồi giáo đổ về hành hương hàng năm, nơi thờ cúng các thần tượng, Mecca là trung tâm thương mại quan trọng nhất trong khu vực. Trên thực tế, thành phố thánh Mecca nổi tiếng chính nhờ Kaaba, tòa nhà hình hộp chữ nhật nằm trong trung tâm sân thánh đường hồi giáo Al-Masjid Al-Haram ở Mecca, Ả Rập Saudi, ngôi đền thờ thần tượng nổi tiếng. Người dân từ các bộ lạc khác nhau tập trung về Mecca để thờ cúng thần tượng của họ. Các thương nhân mang hàng hóa đến, dần dần hình thành nên một khu chợ rộng lớn. Xét đến điều kiện kinh tế - xã hội của người Bedouin, để hiểu tại sao các thần tượng lại có tầm quan trọng đối với các thương nhân giàu có, bảo thủ ở Mecca. Những giáo lý độc thần của Vị giáo chủ sáng lập đạo Hồi là Muhammad (570-632 sau Tây lịch), đe dọa đến lợi ích của tầng lớp thống trị giàu có này. Để giảm bớt áp lực, họ đã đồng ý thờ phượng Thượng đế của Muhammad với điều kiện Nhà tiên tri phải ca ngợi Thượng đế của họ. Điều họ muốn là một sự thỏa hiệp từ Nhà tiên tri, nhưng họ sẽ không bao giờ thỏa hiệp

về các nguyên tắc cơ bản của tôn giáo thiêng liêng của họ. Thượng Đế duy nhất là chân lý tuyệt đối; thờ cúng thần tượng chỉ là dấu hiệu của sự ngu dốt. *"Thượng Đế là ánh sáng của trời và đất... Ngài biết mọi sự."* (Kinh Qur'an 24:35) *"Và Chúng Ta đã dẫn các ngươi đến con đường chính đạo để các ngươi có thể đi theo nó."* (Kinh Qur'an 45:18) *"Và ai tự thanh tẩy mình và cầu nguyện danh hiệu của Chúa mình, mà rằng: 'Không! Các ngươi thích cuộc sống ở thế gian này hơn, nhưng cuộc sống ở thế gian sau tốt đẹp hơn và dài lâu hơn,' thì người đó sẽ thành công."* (Kinh Qur'an 87:14, 15, 16, 17)

c. Sự phân biệt giai cấp xã hội

Hệ thống đẳng cấp là một trong những phong tục xã hội được Bà La Môn giáo áp đặt. Theo hệ thống tư tưởng này, con người được chia thành bốn đẳng cấp dựa trên xuất thân của họ. Đạo Bà La Môn quy định thứ tự của các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ như sau:

1. Bà-la-môn (Brahman) gồm những Giáo sĩ, tu sĩ, triết gia, học giả và các vị lãnh đạo tôn giáo, tức là những người giữ quyền thống trị tinh thần, phụ trách về lễ nghi, cúng bái. Ấn Độ giáo coi họ là đẳng cấp cao thượng nhất, sinh từ miệng Brahma thay ông cầm cương lãnh đạo tinh thần dân tộc, nên có quyền ưu tiên được tôn kính, và an hưởng cuộc đời sung sướng. Dân chúng Ấn Độ rất tôn sùng đẳng cấp này.
2. Sát-đế-ly hay Sát-đế-lợi (Kshatriya) là hàng vua chúa quý tộc, quan lại, võ tướng. Ấn Độ giáo coi họ sinh từ cánh tay Brahma, thay mặt cho Brahma nắm giữ quyền hành thống trị dân chúng.
3. Phệ-xá (Vaisya) là những người bình dân, thương gia, nông dân. Ấn Độ giáo coi họ sinh ra từ bắp vế Brahma, có nhiệm vụ đảm đương về kinh tế trong nước (mua bán, trồng trọt, thu hoa lợi cho quốc gia).
4. Thủ-đà-la (Sudra) là hàng tiện dân. Ấn Độ giáo coi họ sinh từ gót chân Brahma, phải thủ phận và phải phục vụ các giai cấp trên.
5. Chiên-đà-la (Ba-ri-a, Pariah, Dalit) là giai cấp người cùng khổ. Ấn Độ giáo coi họ là đẳng cấp hạ tiện nhất. Họ phải làm các nghề hạ tiện nhất (gánh phân, dọn nhà vệ sinh, giết mổ gia súc), bị coi như sống ngoài lề xã hội loài người, bị các giai cấp trên đối xử như thú vật, bị coi là thứ ti tiện, vô cùng khổ nhục, tối tăm, không được chạm tay vào người thuộc các đẳng cấp khác, thậm chí không được giẫm lên cái bóng của những người thuộc đẳng cấp cao như Bà-la-môn, Sát-đế-ly.

Ấn Độ giáo này quy định rất nghiêm khắc về sự phân biệt các đẳng cấp người tại Ấn Độ:

* Tổ tiên thuộc đẳng cấp nào thì con cháu cũng thuộc đẳng cấp đó, dù có gắng phấn đấu đến đâu thì cũng không thể được xếp lên đẳng cấp cao hơn (ví dụ: một người Thủ-đà-la dù tài năng, chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công thì cũng mãi chỉ là lính, không bao giờ được bổ nhiệm làm tướng quân vì chức vị đó chỉ dành cho người thuộc đẳng cấp Sát-đế-ly trở lên).

* Người thuộc các đẳng cấp chênh lệch xa thì không được kết hôn với nhau (ví dụ: một người thuộc đẳng cấp Bà-la-môn, Sát-đế-ly thì có thể kết hôn với 1 người cũng thuộc đẳng cấp Bà-la-môn hoặc Sát-đế-ly, cùng lắm cũng chỉ kết hôn với 1 người Vệ-xá giàu có, chứ tuyệt đối không được kết hôn với Thủ-đà-la trở xuống)

* Một số công việc chỉ dành cho người thuộc đẳng cấp cao, đẳng cấp thấp hơn không được phép làm, nếu vi phạm sẽ bị trừng phạt (ví dụ: việc cúng tế tôn giáo chỉ có đẳng cấp Bà-la-môn được phép làm; chức vị quan lại, tướng quân chỉ có đẳng cấp Sát-đế-ly trở lên được phép làm)

Đức Phật thị hiện Đản sinh ra trong bối cảnh xã hội - tôn giáo này. Ngài không tin vào những ranh giới rõ ràng giữa con người và tự nhiên, bản thân và người khác, chủ thể và đối tượng, hay thậm chí là Niết bàn và Luân hồi. Ngài dạy rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, và chỉ thông qua nỗ lực trong cuộc sống, kiếm sống, suy nghĩ, nói năng, thiền định và làm điều thiện thì người ta mới có thể đạt được trạng thái đạo đức cao thượng. Việc đạt được Niết bàn nằm ở việc vượt lên và xóa bỏ những ranh giới được xác định rõ ràng này. Niết bàn biểu thị sự nhận thức về sự hài hòa và bình đẳng vốn có của vạn vật. Chính phẩm chất bình đẳng này đã làm cho Phật giáo trở thành một tôn giáo văn minh và cho phép nó lan rộng, đặc biệt là trong tầng lớp lao động bình thường.

Nghiên cứu điều kiện xã hội của bán đảo Ả Rập vào thời kỳ đầu trỗi dậy của Hồi giáo, cho thấy những bất công xã hội tương tự giữa các bộ lạc khác nhau. Người ta nói rằng đóng góp quý giá nhất của Hồi giáo đối với xã hội loài người nằm ở việc đề cao sự bình đẳng và tình huynh đệ. Chính phẩm chất này, theo thời gian, đã cho phép Hồi giáo dần dần phát triển thành một tôn giáo văn hóa và văn minh.

Trong các ghi chép lịch sử Ả Rập tiền **Hồi giáo**, hai hiện tượng xã hội nổi bật nhất là:

1. a) Chế độ nô lệ.

2. b) Giết hại trẻ sơ sinh nữ.

Hai hiện tượng này đủ để minh họa sự bất công và vô nhân đạo của điều kiện xã hội thời bấy giờ.

nhà lãnh đạo tôn giáo, xã hội và chính trị người Ả Rập và là người sáng lập ra Hồi giáo Muhammad đã sử dụng các nguyên tắc hòa hợp, bình đẳng và công lý mà Hồi giáo đề xướng để chống lại hệ thống xã hội bất công thời bấy giờ. Ông tuyên bố rằng không có sự khác biệt giữa nô lệ và quý tộc, và chỉ có *"Sự ngoan đạo và ý thức về Thượng đế"* (Taqwa) mới có thể nâng cao địa vị của một người.

"Hỡi loài người! Quả thật, Chúng Ta đã tạo ra các ngươi từ một người đàn ông và một người phụ nữ, và Chúng Ta đã chia các ngươi thành các quốc gia và bộ lạc, chỉ để nhận biết các ngươi. Nếu không, trước mặt Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah), người đáng kính nhất trong các ngươi sẽ là người kính sợ Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) nhất". (Quran 49:13)

Để xóa bỏ nỗi nhục nhã của chế độ nô lệ và áp bức trong xã hội loài người, luật lệ và học thuyết xã hội đã ra đời. Để tìm kiếm sự chuộc tội và tha thứ tội lỗi, người ta được yêu cầu giải phóng nô lệ bằng cách mua một hợp đồng tự do: *"Nếu họ (những người nô lệ) nghèo khổ, thì hãy giải phóng họ bằng của cải mà Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) đã ban cho các ngươi".* (Kinh Qur'an 24:33)

Luật này thực chất được củng cố bởi một hành động táo bạo của người sáng lập ra Hồi giáo Muhammad. Ông đã bổ nhiệm một nô lệ người châu Phi tên là Bilal - một người Hồi giáo tốt, một tín đồ chân chính và một người trung thành với ông - để đọc lời kêu gọi cầu nguyện "Azan" đầu tiên từ mái nhà của Kaaba. Đây được coi là lời tuyên bố chính thức đầu tiên của đạo Hồi sau chiến thắng trước những kẻ không theo đạo. Những giáo lý về bình đẳng và quan tâm đến hạnh phúc của người dân rất rõ ràng và tràn đầy hy vọng. Chính vì lý do này mà trong cuộc đấu tranh kéo dài mười hai năm ở Mecca (610-622 sau Tây lịch), người sáng lập ra Hồi giáo Muhammad đã tập hợp một nhóm tín đồ sùng đạo, chủ yếu là người nghèo, nhưng cũng bao gồm một số thương gia giàu có.

Luật này thực sự nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của người sáng lập ra Hồi giáo Muhammad. Ngài đã bổ nhiệm Bilal, một nô lệ người châu Phi, làm sứ giả của mình - Bilal là một hình mẫu về lòng tốt trong đạo Hồi, là đại diện của Thượng đế trên trái đất, người có nhiệm vụ thiết lập luật pháp thiêng liêng trên trái đất. *"Khi Chúng Ta ban cho họ quyền cai quản trên trái đất, họ sẽ thiết lập việc cầu nguyện, bố thí cho người nghèo, khuyến khích điều thiện và ngăn chặn điều ác".* (Kinh Qur'an 22:40)

Của cải vật chất chỉ được coi là coi trọng khi được sử dụng để cải thiện đời sống của người nghèo. Theo hệ thống tư tưởng này, con người bị chỉ trích vì những thiếu sót đạo đức dai dẳng, bắt nguồn từ sự thiếu cặn, thiếu tầm nhìn, yếu đuối và mặc cảm tự ti. Kinh Qur'an coi mọi tổn hại gây ra cho người khác là *"tổn hại gây ra cho chính mình"* (2:231, 11:101, 11:118).

Sự keo kiệt kiêu này thường được mô tả trong Kinh Qur'an bằng các thuật ngữ kinh tế, chẳng hạn như lòng tham, sự gian lận và sự bủn xỉn trong việc bố thí cho người nghèo: *"Nếu các ngươi có tất cả những ân huệ mà Thượng đế đã ban cho các ngươi, các ngươi vẫn sẽ giữ chúng lại vì sợ phải bố thí cho người khác"*. (Kinh Qur'an 17:100) *"Ma quỷ thì thào vào tai con người rằng việc bố thí sẽ dẫn đến nghèo đói, nhưng Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) hứa rằng sự đầu tư cho hạnh bố thí như thế sẽ mang lại lợi nhuận dồi dào"*. (Quran 2:268) Những người có đức tin không nên lập các tài khoản cho vay nặng lãi để bóc lột người nghèo, mà nên *"thiết lập lòng tin với Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah)"* (Quran 2:245, 57:11).

Xã hội du mục Ả Rập là một xã hội trọng nam khinh nữ, phụ nữ bị coi là những sinh vật thấp kém và có địa vị xã hội thấp. Trẻ sơ sinh nữ bị coi là khiếm khuyết, là nỗi ô nhục của gia đình và là điềm báo của bất hạnh. Dưới ảnh hưởng của niềm tin này, nhiều trẻ sơ sinh nữ bị giết hại dã man hoặc bị chôn sống. Hồi giáo lên án hành vi tội lỗi và vô nhân đạo này, tuyên bố rằng nam và nữ có cùng nguồn gốc và chỉ có công lý và đức hạnh mới có thể làm cho một người trở nên tốt hơn trong mắt Thượng đế (49:13). *"Những kẻ ngu dại giết con cái mình và cấm đoán những gì Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) đã ban cho chúng, và những kẻ bịa đặt lời nói dối để vu khống Thượng đế, chắc chắn sẽ bị hư mất; chúng không phải là những kẻ chà đạp lên con đường chính đạo"*. (6:139)

Người sáng lập ra Hồi giáo Muhammad không có con trai, chỉ có một con gái tên là Fatima, người mà ông yêu thương và trân quý hết mực. Trong Kinh Qur'an, Fatima được gọi là *"Kauthar"* (رثوك), có nghĩa là *"suối nguồn ân sủng và phước lành vô tận"* (108:1).

Những giáo lý về sự thống nhất và công lý của Hồi giáo đã vượt qua mọi rào cản xã hội, chính trị và văn hóa, cho phép nó lan rộng khắp thế giới, bao gồm Ấn Độ, Bắc Phi, Tây Ban Nha, châu Phi cận Sahara, Trung Á, Trung Quốc, Nam Á, Đông Nam Á và thậm chí cả châu Âu. Phật giáo, với những lý tưởng tương tự, đã chinh phục đời sống tinh thần của nhiều người ở Trung Á, Đông Nam Á, Trung Quốc, Tây Tạng, tiểu lục địa Ấn Độ, các nước Viễn Đông và một số vùng của phương Tây.

Bản sắc tâm linh Con đường Tơ lụa

Phương Đông và phương Tây không chỉ đơn thuần là những khái niệm địa lý hay bên ngoài. Mỗi cá nhân đều mang trong mình cả hai khía cạnh phương Đông và phương Tây, mỗi khía cạnh đại diện cho một phần quan trọng trong bản sắc của họ. Khía cạnh phương Đông của sự tồn tại của con người, hay chiều hướng bên phải, đại diện cho những chân lý ẩn giấu của vũ trụ, gắn bó mật thiết với sức mạnh tâm linh của con người. Khía cạnh phương Tây của sự tồn tại của con người, hay chiều hướng bên trái, liên quan đến thế giới thực tại dễ quan sát. Nó đại diện cho khả năng của nhân loại trong việc kiểm soát môi trường vật chất và tận dụng tối đa các nguồn lực để đạt được một cuộc sống thoải mái.



Chakravartin, từ Bảo tháp Jaggayyapeta, Andra, 1 C. BC. Bảo tàng Chính phủ, Madras. (ảnh: en.unesco.org)

Xuyên suốt lịch sử, phương Đông luôn là cái nôi của những chiều kích đúng đắn. Ví dụ, Ấn Độ giáo là một tôn giáo nhấn mạnh mẽ sự tồn tại của những

chiều kích ẩn giấu. Bất cứ điều gì thỏa mãn dục vọng vật chất của con người hoặc khiến con người phụ thuộc vào cuộc sống này và những cảm dỗ ảo tưởng của nó đều nên tránh, bởi vì chúng không bền vững. Theo quan điểm này, sự thỏa mãn thực sự và hạnh phúc lâu dài không thể đạt được thông qua những phẩm chất hữu hình của thế giới vật chất. Do đó, mọi nỗ lực nên hướng tới một cuộc sống không vướng bận vào của cải vật chất. Giải thoát (Moksha) và dục vọng thế tục là hai điều loại trừ lẫn nhau; để đạt được điều này, người ta nhất thiết phải từ bỏ điều kia.

Ngược lại, quan điểm phương Tây cho rằng con người phải phát triển khả năng của mình trong lĩnh vực vật chất. Khoa học, công nghệ và các quan điểm phân tích về vũ trụ là những công cụ và phương tiện để đạt được mục tiêu tối thượng. Lĩnh vực tâm linh và những chân lý ẩn giấu có thể là một phần của nhân loại, nhưng một người nhìn nhận thế giới xung quanh từ chiều không gian vật chất (chiều không gian bên trái) chắc chắn sẽ không quá chú trọng đến khía cạnh này. Đối với họ, chỉ những yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp và hữu hình đến cuộc sống của họ mới quan trọng. Các khía cạnh khác nằm ngoài phạm vi kiến thức khoa học hay vật chất được coi là thứ yếu vì chúng không đóng vai trò đáng kể trong quá trình phát triển. Và theo logic phương Tây, mục tiêu cuối cùng là phát triển.

Điều này dẫn đến câu hỏi về vĩ mô và vi mô. Trong vĩ mô, cái thiêng liêng và cái trần tục cùng tồn tại; trong khi ở vi mô, như đã đề cập trước đó, chiều kích phương Đông và phương Tây cũng tồn tại. Hiện nay, một trong những cuộc tranh luận sôi nổi nhất giữa các nhà tư tưởng toàn cầu là mối quan hệ giữa thế giới phương Đông và phương Tây. Nhân loại đã nhận ra rằng chỉ khi cả hai khía cạnh này được thống nhất thì nhân loại mới hoàn thiện. (Như đã đề cập ở trên, mặc dù hai khía cạnh này biểu hiện ở các vị trí địa lý khác nhau, nhưng về bản chất chúng là hai trạng thái tồn tại, hay đúng hơn, hai khía cạnh của sự tồn tại của con người.)

Phật giáo là một trong những ngành học thuật sớm nhất nỗ lực tích hợp các yếu tố phương Tây vào nguồn gốc thuần túy phương Đông. Đây vừa là một bước tiến vừa là dấu hiệu của sự phát triển hướng tới một cuộc sống cân bằng. Giáo lý đạo Phật kết hợp các yếu tố triết học và bình dân. Ngay từ những ngày đầu, Đoàn thể Phật giáo thanh tịnh, hoà hợp (Sanskrit: संघ samgha) gồm tứ chúng Phật tử Tỳ Kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc (Cận sự nam), Ưu Bà Di (Cận sự nữ). Thực tế lịch sử này chứa đựng một thông điệp quan trọng về Phật giáo: sự đối lập nhị nguyên giữa triết học và văn hóa đại chúng, giữa nhà sư xuất gia và cư sĩ Phật tử tại gia, nên được xem là bổ sung cho nhau chứ không phải đối kháng.

Trong truyền thống Hồi giáo ẩn chứa khát vọng mạnh mẽ về việc dung hòa hai chiều kích của sự tồn tại con người - Phương Đông và Phương Tây. Giáo lý đạo Hồi cho rằng sự cứu rỗi không nằm ở phương Đông hay phương Tây, mà chỉ nằm ở “con đường chính đạo” (Siratul Mustaqeem) để có thể đạt được sự cứu rỗi và cuộc sống vĩnh hằng trên Thiên đường. Khái niệm về sự cân bằng được thể hiện trong chương mở đầu tiên của Kinh Qur'an, Fatihah: *“Xin hướng dẫn chúng trên lộ trình chính đạo, theo con đường của những người mà Ngài đã ban ơn, chứ không phải theo con đường của những người mà Ngài đã làm cho họ tức giận, cũng không phải theo con đường của những người đã lạc lối”*. (1:5-7)

“Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) là ánh sáng của trời đất...không có đông cũng không có tây (mặc dù phía đông và phía tây của thế giới đều được ánh sáng của Ngài chiếu rọi). Đức Chúa Trời dẫn dắt những người mà Ngài muốn đến với ánh sáng của Ngài... Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) biết mọi sự”. (24:35)

Trong Kinh Qur'an và Hadith, chúng ta bắt gặp nhiều cụm từ thoát nhìn có vẻ mâu thuẫn. Ví dụ, hãy xem xét hai ví dụ sau đây:

“Sự ham muốn những thứ vật chất là cội nguồn của mọi điều ác và sai lầm”.

“Những người không có kế sinh nhai thì không có cơ hội được phục sinh”.

Truyền thống đầu tiên dường như khuyến khích mọi người chọn lối sống khổ hạnh, từ bỏ mọi phương tiện thế tục để tránh tội lỗi và sai lầm. Dễ dàng cho rằng tuyên bố như vậy là một trong những nguyên tắc của các tôn giáo. Tuy nhiên, người Hồi giáo tin rằng *“không có giáo lý sống khổ tu đạo Hồi”*.

Mặt khác, truyền thống thứ hai thừa nhận rõ ràng tầm quan trọng của việc kiếm sống, thậm chí tin rằng sự phục sinh và đoàn tụ với Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) ở thế giới bên kia phụ thuộc vào sự thành công trong công việc trần thế. Điều này nghe giống như quan điểm của các nhà tư tưởng từ xã hội công nghiệp phương Tây thế kỷ XX.

Câu trả lời cho câu hỏi học búa này nằm ở từ “cân bằng”, một từ ngữ được lồng ghép trong nhiều giáo lý của đạo Hồi. Một người tốt kiếm sống bằng lao động chăm chỉ, đồng thời hiểu rằng vào Ngày Phán Xét, mọi việc họ làm sẽ được ghi nhận là công đức hay tội lỗi. *“Người làm điều thiện sẽ thấy hậu quả, và người làm điều ác cũng sẽ thấy hậu quả”*. (Kinh Qur'an 99:7-8) Vì vậy, người ta phải lựa chọn đúng đắn trên “lộ trình chính đạo” (Siratul Mustaqeem). Người ta nên điều chỉnh hành động thế tục của mình phù hợp với sự hướng dẫn thiêng liêng của số phận. Con người phải thanh lọc vật chất thông qua sự hy sinh.

Trong tất cả những tạo vật của Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah), chỉ có con người mới có thể lựa chọn trạng thái tồn tại của chính mình, và khả năng lựa chọn này khiến con người trở thành chủ nhân của mọi sinh vật. Tính hai mặt trong sự tồn tại của con người là rất quan trọng. Con người tạo ra lịch sử. Nói cách khác, lịch sử là sự trình bày khách quan về hành trình tâm linh của nhân loại qua các giai đoạn tồn tại khác nhau. Con người tồn tại trong hai cõi (thiên liêng và trần tục), do đó mới có thuật ngữ *“nơi hợp lưu của hai đại dương”* (Majma-ul Bahrayn). Sự cứu rỗi của nhân loại phụ thuộc vào việc đặt thế tục vào trong cõi thiên liêng. Con người phải thanh lọc những khía cạnh trần tục của mình để đạt được sự hợp nhất với Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) và sự hòa hợp với thiên nhiên. Câu trả lời cho câu đố này là từ *“cân bằng”*. Trong thế giới quan này, Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah) là chân lý tối thượng, là toàn thể của vũ trụ: *“Ngài là Đấng cuối cùng và là Đấng đầu tiên, là Đấng được mặc khải và là Đấng ẩn giấu”* (57:3).

Do đó, nếu một người chỉ dựa vào một khía cạnh duy nhất trong sự tồn tại của bản thể, họ chỉ có thể hiểu được một phần chân lý tối thượng, chứ không phải toàn bộ. Để đạt được sự giao hòa với Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah), người ta phải đồng thời nghiên cứu cả vật lý và siêu hình học. Thiên nhiên được xem là biểu tượng của Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah), và mọi nguyên tử trong tự nhiên đều được coi là có sự sống và ý thức. Con người có thể giao tiếp với thiên nhiên thông qua ý thức của chính mình và chia sẻ những bí ẩn của nó. Thơ của Rumi thể hiện một cách súc tích ý tưởng này:

Mọi thứ trên thế giới này,

đều lặng lẽ kể câu chuyện của mình, ngày đêm.

Chúng ta lắng nghe, chúng ta quan sát, chúng ta cảm nhận,

nhưng với các bạn, những người xa lạ không hiểu được những bí ẩn của sự tồn tại, chúng ta vẫn im lặng.

Rõ ràng, đạt được trạng thái siêu phàm như vậy không phải là điều dễ dàng. Nó chỉ có thể đạt được thông qua sự hy sinh, hay nói đúng hơn, bằng cách hiến dâng bản thân cho thần thánh. Nghĩa là, bằng cách để cho cái tôi của mình tan biến trước khi bước vào trạng thái chết. Chính sự kết hợp giữa tụng niệm cầu nguyện (Zikr) và thiền định (Fikr).

Con đường tơ lụa có thể được coi là tuyến đường quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại. Là tuyến đường đầu tiên kết nối phương Đông và phương Tây, Con đường tơ lụa mang ý nghĩa tâm linh đặc biệt.

Thông qua Con đường Tơ lụa, công nghệ lan tỏa, các ý tưởng được trao đổi, và tình hữu nghị cũng như sự hiểu biết giữa phương Đông và phương Tây được khám phá lớn lần đầu tiên trên quy mô lớn. Người phương Đông tiếp xúc với các ý tưởng và lối sống phương Tây, trong khi người phương Tây tìm hiểu về văn hóa phương Đông và thế giới quan tâm linh của họ. Phật giáo, với tư cách là một tôn giáo phương Đông, cũng thu hút được sự chú ý quốc tế thông qua Con đường Tơ lụa.

Vị minh quân Thánh triết (304-232 trước Tây lịch), một vị vua Phật tử có nhiều cống hiến rất to lớn cho sự truyền trì mạng mạch Phật pháp và cho đất nước Ấn Độ. Là vị vua thứ ba của triều đại Mauryan, Ấn Độ. Ông từ bỏ chiến tranh và đổ máu, tuân thủ nguyên tắc “bất bạo động”, nhưng điều này không làm ông trở thành một vị vua nhu nhược. Hoàng đế Ashoka tin rằng bất bạo động mạnh mẽ hơn vũ lực. Những chiến thắng của ông trải rộng ra ngoài biên giới đế chế của mình. Ông tự coi mình đang cai trị một vương quốc tâm linh bao trùm toàn thể nhân loại.

Các Trụ đá Ashoka nổi tiếng là một trong những ví dụ xuất sắc nhất về nghệ thuật Phật giáo thời kỳ đầu. Các Trụ đá Ashoka này chủ yếu được chế tác bằng các kỹ thuật du nhập từ Ba Tư; nổi tiếng nhất trong số đó là trụ đá Sarnath, phần đỉnh của nó được chọn làm quốc huy của Ấn Độ. Các Trụ đá Ashoka này sở hữu giá trị nghệ thuật và biểu tượng vô cùng to lớn. Tuy nhiên, nghệ thuật Phật giáo thực sự hưng thịnh trong triều đại Kushan vào thế kỷ II và III sau Tây lịch. Thời kỳ này cũng chứng kiến sự phát triển gần như đỉnh cao của thương mại giữa La Mã và châu Á. Tính cách của Hoàng đế Ashoka cũng rất thuận lợi cho những cuộc trao đổi và tương tác như vậy. Tiền xu của Kanishka thể hiện rõ mong muốn của ông về sự chung sống hài hòa với các dân tộc và tôn giáo khác nhau cả trong và ngoài lãnh thổ của mình. Những hình ảnh tinh xảo của các vị thần ở mặt trước của đồng xu đặc biệt phản ánh các tôn giáo khác nhau phổ biến bên ngoài Gandhāra và ở các vùng thương mại liên quan. Các vị thần Ba Tư chiếm ưu thế; các vị thần La Mã, Alexandria và phương Đông Hy Lạp bao gồm Heracles, Helios, Seraphine và nữ thần chiến thắng; Shiva và Skandakumara đại diện cho Ấn Độ Bà La Môn. Một đồng xu Kushan khắc họa rõ hình ảnh Đức Phật đứng, bên cạnh chữ cái Hy Lạp “Boddo”.

Tại Gandhāra, một vùng miền Tây bắc Ấn Độ, ngày nay thuộc về Afghanistan và một phần của Pakistan, một địa điểm chiến lược quan trọng trên Con đường Tơ lụa, sự giao lưu văn hóa và công nghệ vượt xa các giao dịch tiền tệ. Gandhāra cổ đại, bao gồm khu vực tây bắc Pakistan và đông Afghanistan ngày nay, là trung tâm của Đế chế Kushan hùng mạnh, với Mathura và lưu vực thượng nguồn sông Hằng-Yamuna tạo thành vùng ngoại vi. Nghệ thuật điêu khắc Gandhāra là

một ví dụ nổi bật về sự giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây dọc theo tuyến đường Phật giáo. Sự kết hợp hài hòa giữa các loại hình nghệ thuật đã làm nổi bật hình tượng con người trong điêu khắc Phật giáo.

Trong quá trình phát triển của tượng Phật, người ta có thể dễ dàng nhận thấy truyền thống nghệ thuật của các quốc gia dọc theo Con đường Tơ lụa. Giải pháp của Gandhāra nằm ở việc tiếp thu và phát triển thực tiễn nghệ thuật truyền thống. Một bức phù điêu bằng đá phiến tuyệt đẹp từ thế kỷ II tại Phòng trưng bày Nghệ thuật Freer ở Washington, D.C., là một ví dụ xuất sắc về điêu khắc Gandhāra. Bức phù điêu này mô tả bốn sự kiện quan trọng trong cuộc đời của đức Phật. Trong bức phù điêu tinh xảo này, các phong cách, yếu tố và thậm chí cả thiết kế trang phục của Ba Tư, Ấn Độ và Hy Lạp-La Mã được kết hợp khéo léo, tạo nên một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời. Không nghi ngờ gì nữa, Con đường Tơ lụa là ngã ba đường của tất cả những yếu tố này.

Chúng ta không nên quên rằng cốt lõi duy trì những yếu tố đa dạng này chính là Phật giáo. Nói cách khác, chính ý nghĩa sâu sắc của nó đã làm cho sự phát triển và thăng hoa của hình thức trở nên khả thi. Mỗi tác phẩm nghệ thuật đều chứa đựng hai yếu tố cơ bản: hình thức và ý nghĩa. “Hình thức” là phần được hiển lộ, trong khi “nội dung” là phần ẩn giấu.

Không có hình thức, nội dung không thể hiển lộ; tương tự, không có nội dung, hình thức chỉ là một cái vỏ rỗng, thiếu ý nghĩa bên trong. Chỉ khi hình thức và nội dung bổ sung cho nhau thì nghệ thuật tinh tế mới có thể đạt được. Chính sự thống nhất giữa nội dung cao cả (ẩn giấu) và hình thức hoàn thiện (được hiển lộ) đã tạo nên nghệ thuật độc đáo và vô giá. Thông điệp cốt lõi và nguyên tắc chính của tất cả các tôn giáo thiêng liêng là Tawhid (sự duy nhất của Thiên Chúa Đấng Toàn Năng (Allah). Tầm quan trọng và giá trị của Con đường Tơ lụa bắt nguồn chính từ sự thống nhất mà nó đã vun đắp. Ngày nay, UNESCO đã có một bước tiến quan trọng trong việc hồi sinh tuyến đường cổ đại nổi tiếng này.

Tôi hy vọng rằng những nghiên cứu và các cuộc gặp gỡ như thế này, chẳng hạn như cuộc gặp mà chúng ta đang tổ chức hiện nay 7 Roy c. Craven, Indian Art (London, 1986), trang 81-83. 8 David L. Snejgrove, The Image of Buddha (UNESCO 1978) trang 59 - sẽ phục vụ cho mục đích cao cả là truyền bá thông điệp mà Con đường Tơ lụa mang lại: ý nghĩa tốt đẹp của tri thức, sự hài hòa và thống nhất trong đa dạng.

Tác giả: **Tiến sỹ Amir H. Zekrgoo**/Viết dịch: **Sa môn Lê Văn Phước**

Nguồn: en.unesco.org